

Bản án số: 02/2022/DS - PT

Ngày: 04 - 01 - 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường;
Ông Phạm Tồn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhật, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/TBTL-TA ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 779/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Minh L.

Địa chỉ: tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tường L; địa chỉ: N, Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Hồng H, Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Quách Nghinh V.

Địa chỉ: 118A T, T, N, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn V H; địa chỉ: N. Có mặt.

- Ông Quách Nghinh V1, 3. Bà Lương Mỹ T.

Địa chỉ: Canada.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Vân A; địa chỉ: N. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH B. Vắng mặt.

Địa chỉ: 118A T, T, N, Khánh Hòa.

- Ông Tô V H. Vắng mặt.

Địa chỉ: N, Khánh Hòa

- Ông Trần Duy Đ. Vắng mặt.

Địa chỉ: tỉnh Đồng Nai

- Ông Trần Duy T. Vắng mặt.

Địa chỉ: tỉnh Đồng Nai

- Công ty TNHH A. Vắng mặt.

Địa chỉ: tỉnh Đồng Nai.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tường L trình bày:

Ngày 19/7/2017, ông T và bà L có ký Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng vốn góp và tài sản Công ty TNHH B. Theo đó, các thành viên Công ty TNHH B do ông Quách Nghinh V đại diện theo ủy quyền, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B đã nhận của ông T và bà L số tiền cọc là 05 tỷ đồng.

Hai bên đã thỏa thuận ngày 21/8/2017 đến V phòng Công chứng H - P ký hợp đồng chuyển nhượng chính thức. Tuy nhiên, chiều ngày 21/8/2017, tại V phòng Công chứng H - P, ông V thay đổi ý kiến không ký hợp đồng chuyển nhượng với lý do ông T và bà L phải giao tiền một lần thì mới ký và giao toàn bộ giấy tờ. Đây là việc từ chối giao kết hợp đồng vi phạm thỏa thuận các bên đã ký.

Ông T và bà L tiếp tục mời ông V đúng 9h sáng ngày 22/8/2017, đến V phòng Công chứng H - P để ký kết hợp đồng theo đúng thỏa thuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của hai bên nhưng ông V vẫn không có mặt để giải quyết, điều này chứng minh ông V đã cố tình vi phạm cam kết thỏa thuận đã ký.

Ngày 23/8/2017, ông T và bà L đã trực tiếp thông báo cho ông V, đồng thời gửi văn bản qua thư phát chuyển nhanh đến Công ty TNHH B yêu cầu ông V và công ty phải trả số tiền đã nhận cọc là 5.000.000.000 đồng và một khoản tiền

tương đương giá trị tiền đặt cọc là 5.000.000.000 đồng do vi phạm cam kết thỏa thuận. Tổng số tiền phải trả một lần: 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng) đề nghị chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Minh L. Số Tài khoản: 11051972 tại Ngân hàng TMCP Kiên Long, Phòng giao dịch Cam Ranh. Nếu sau 24h, kể từ khi nhận được thông báo này, ông V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả đủ số tiền 10 tỷ đồng, ông T và bà L yêu cầu cơ quan pháp luật giải quyết.

Tuy nhiên, cho đến chiều ngày 24/08/2017, ông V chỉ chuyển vào tài khoản số tiền đặt cọc 05 Tỷ đồng, chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền bồi thường do vi phạm thỏa thuận, hợp đồng đã ký.

Vì vậy, nguyên đơn Yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn và Công ty TNHH B phải liên đới bồi thường cho nguyên đơn số tiền năm tỷ đồng theo đúng thỏa thuận tại khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng sang nhượng phần vốn góp và tài sản của Công ty TNHH B ngày 19/7/2017.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Quách Nghinh V: Ông Nguyễn V H trình bày:*

Ngày 05/5/ 2017, ông Tô V H; sinh năm 1972 đã ký hợp đồng đặt cọc về việc nhận chuyển nhượng vốn góp vào toàn bộ khách sạn B tại 118A T, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa của Công ty TNHH B do ông Quách Nghinh V làm đại diện. Căn cứ vào hợp đồng đặt cọc bên mua đã chuyển vào tài khoản ông V số tiền 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng).

Quy định tại khoản 1 Điều 3; đến hết ngày 30/7/2017 là thời điểm cuối cùng của việc đặt cọc hai bên phải lập hợp đồng chuyển nhượng và thanh toán. Trong hợp đồng còn có thỏa thuận khác, bên đặt cọc có quyền chỉ định bà Nguyễn Thị Minh L và bà Nguyễn Thị Bích P đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất + nhà.

Căn cứ vào nội dung làm việc của đại diện hai bên vào ngày 19/7/2017 về việc chuẩn bị hồ sơ và ký kết chính thức Hợp đồng chuyển nhượng vốn và toàn bộ khách sạn vào ngày 28/7/2017. Tuy nhiên, việc ký kết đã không thực hiện được vì bà Nguyễn Thị Minh L (ông Bùi V T) đã không chuẩn bị được nguồn vốn đã dự kiến ban đầu là 56.500.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ năm trăm triệu đồng) để thực hiện theo hợp đồng đặt cọc.

Theo Hợp đồng thỏa thuận là ngày 28/7/2017 ký kết hợp đồng chuyển nhượng nhưng ông T và bà L không thực hiện. Công ty TNHH B đã gửi văn bản thông báo lần 1 vào ngày 31/7/2017 gia hạn đến ngày 07/8/2017 là hạn chót để bên phía bà L và ông T phải hoàn tất Hợp đồng. Hết ngày đã gia hạn vẫn chưa nhận được sự ký kết của hai bên nên phía Công ty TNHH B đã ra văn bản thông báo lần 2 vào ngày 08/8/2017 gia hạn cuối cùng đến ngày 20/8/2017 là hạn chót, đồng thời nhắc nhở sẽ chính thức chấm dứt hợp đồng giao dịch chuyển nhượng vốn và tài sản đã thỏa thuận như trước. Ngày 21/8/2017, ra công chứng nhưng ông L và bà T không chuyển tiền vào tài khoản tạm khóa như cam kết nên chấm dứt việc ký hợp đồng chuyển nhượng. Ngày 24/8/2017, ông V đã hoàn trả lại số tiền 5 tỷ đồng mà bên phía Công ty TNHH B đã nhận cho bà Nguyễn Thị Minh L. Bị đơn đề nghị Tòa án bác Đơn khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Quách Nghi V1, bà Lương Mỹ T: Bà Nguyễn Văn A trình bày:

Vào ngày 20/01/2015, Công ty TNHH B, địa chỉ 118A T, phường T, Tp N, tỉnh Khánh Hòa đã họp Hội đồng thành viên thông qua Điều lệ công ty và được V phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận đăng ký. Ông Quách Nghinh V1 và bà Lương Mỹ T góp vốn vào Công ty TNHH B và chính thức là Hội đồng thành viên công ty (chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên đăng ký ngày 13/11/2014). Do ông Quách Nghinh V làm Giám đốc.

Đến ngày 25/5/2017, ông Quách Nghinh V1 và bà Lương Mỹ T đã làm Hợp đồng ủy quyền về việc chuyển nhượng phần vốn góp của mình trong Công ty TNHH B cho ông Quách Nghinh V được chứng thực tại V phòng Công chứng Hoàng Long số 8548, quyền số 03/TP/CC-SCCHĐGD. Trước đó, ông Quách Nghinh V đã ký hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng toàn bộ Công ty TNHH B cho người khác mà chưa từng họp Hội đồng thành viên để bàn bạc là trái với quy định của Luật Doanh nghiệp. Vì thế, vào ngày 05/5/2017 hợp đồng đặt cọc của ông Quách Nghinh V với ông Tô V Hùynh là vô hiệu.

Việc ông V chuyển nhượng Công ty TNHH B cho ông H, ông V1 - bà T không biết. Ông V tự ý ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng khách sạn khi chưa được ủy quyền của ông V1, bà T. Ông V đã hoàn lại số tiền đặt cọc cho ông Hùynh và đã thanh toán số vốn bỏ ra cho ông V1 và bà T từ ban đầu nên ông V1 và bà T không có ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô V H trình bày:

Ông H có quen biết với ông V và được biết ông V có nhu cầu bán khách sạn tại số 118A T, N nên có giới thiệu cho vợ chồng ông Bùi V T, bà Nguyễn Thị Minh L mua và vợ chồng ông T, bà L đồng ý mua khách sạn tại số 118A T, N với giá 56.500.000.000đ. Tuy nhiên, tại thời điểm đó do ông T bà L đang ở nước ngoài nên nhờ ông H đứng tên ký hợp đồng đặt cọc với Công ty TNHH B do ông V đại diện với số tiền đặt cọc là 5.000.000.000đ (năm tỷ đồng), ông H chỉ đứng tên ký hợp đồng đặt cọc giùm cho ông T, bà L còn số tiền 5.000.000.000đ do ông T, bà L chuyển cho ông V. Trước khi ông T, bà L về Việt Nam để làm việc với ông V về việc mua bán khách sạn, ông T, bà L và ông V điện thoại cho ông H yêu cầu đưa Hợp đồng đặt cọc đã ký giao lại cho ông V để ông V soạn hợp đồng mới để ông T, bà L về ký trực tiếp với ông V chứ hợp đồng ông H đã ký với ông V không có giá trị, ông H đã bàn giao lại tất cả các giấy tờ liên quan đến việc ký hợp đồng đặt cọc mua khách sạn cho ông V theo yêu cầu của hai bên, còn việc thỏa thuận như thế nào giữa các bên và phát sinh tranh chấp sau này ông H không biết và không liên quan.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Duy Đ, Trần Duy T, Công ty TNHH A trình bày:

Chúng tôi là những người nhận chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên sáng lập Công ty TNHH B là các ông, bà Lương Mỹ T, Quách Nghinh V, Quách Nghinh V1 theo đúng quy định của pháp luật và đã được cấp

giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên (đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05/4/2018).

Việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc giữa ông Bùi V T, bà Nguyễn Thị Minh L với ông Quách Nghinh V, bà Lương Mỹ T, ông Quách Nghinh V1 chúng tôi không có liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 328 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L.

Ông Quách Nghi V không phải bồi thường cho ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L số tiền 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/10/2020 nguyên đơn ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Nguyên đơn ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khởi kiện.

Ý kiến của Luật sư Nguyễn Hồng Hà: Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện bên bị đơn vi phạm thỏa thuận Hợp đồng đặt cọc hai bên đã ký kết, bên bị đơn yêu cầu phải chuyển trả hết số tiền mua bán khách sạn một lần trong ngày là không đúng; đồng thời bên nguyên đơn tại thời điểm vẫn có thiện chí tiếp tục mua khách sạn B tại 118A T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, bà Minh, sửa bản án của Toà án cấp sơ thẩm, buộc bên bị đơn phải trả thêm cho nguyên đơn 05 tỉ đồng tiền phạt cọc.

Ý kiến của ông Nguyễn V H: Thực tế bên nguyên đơn mới là bên vi phạm hợp đồng đặt cọc. Theo Hợp đồng thỏa thuận là ngày 28/7/2017 ký kết hợp đồng chuyển nhượng khách sạn nhưng ông T và bà L không thực hiện. Bên bị đơn đã gửi văn bản Thông báo lần 1 vào ngày 31/7/2018 gia hạn đến ngày 07/8/2017 là hạn chót; tiếp đến bên bị đơn đã ra văn bản Thông báo lần 2 vào ngày 08/8/2017 gia hạn cuối cùng đến ngày 20/8/2017 là hạn chót, đồng thời nhắc nhở sẽ chính thức chấm dứt hợp đồng. Ngày 21/8/2017, ra công chứng nhưng ông L và bà T không chuyển tiền vào tài khoản tạm khóa như cam kết nên bên bị đơn đã chấm dứt việc ký hợp đồng chuyển nhượng khách sạn nêu trên. Việc bị đơn trả lại tiền cọc cho bên nguyên đơn là thể hiện tính nhân văn, đạo đức trong kinh doanh chứ không phải do bên bị đơn vi phạm hợp đồng được ký kết giữa hai bên. Đề

ngợi Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bên nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện bên nguyên đơn đã vi phạm thỏa thuận của Hợp đồng hai bên đã ký kết ngày 19/7/2017. Bên nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Đại diện theo uỷ quyền của đồng bị đơn ông Quách Nghinh V1 bà Lương Mỹ T bà Nguyễn Vân A và các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; tuy nhiên, đây là phiên toà phúc thẩm đã được triệu tập họp lệ lần thứ 3, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] **Về nội dung:** Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, buộc ông V phải bồi thường số tiền 5 tỷ đồng do vi phạm Hợp đồng đặt cọc được ký giữa hai bên vào tháng 5/2017 và ký lại vào ngày 19/7/2017, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với hai Hợp đồng đặt cọc tháng 5/2017 (không có ngày) do ông Tô V H (được uỷ quyền của ông T, bà L) ký với ông Quách Nghinh V và Hợp đồng ngày 25/5/2017, ông V1 và ông T, bà L ký hợp đồng sang nhượng và xác nhận Hợp đồng đặt cọc tháng 5/2017 là một phần của Hợp đồng này đều thể hiện nội dung đặt cọc để chuyển nhượng tài sản là vốn góp của ông V, ông V1, bà T vào Công ty TNHH Bảy Hiền và khách sạn Seven Sea số 118A T, T, N với giá sang nhượng là 57 tỷ đồng. Tiền đặt cọc là 5 tỷ đồng ông V đã nhận. Thời gian ký hợp đồng chuyển nhượng là hết ngày 30/7/2017. P thức thanh toán được thực hiện theo Hợp đồng ngày 19/7/2017. Tuy nhiên, đến hết tháng 7/2017, hai bên không thực hiện việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng.

[2.2] Theo trình bày của ông Quách Nghinh V cho rằng lỗi do ông T và bà L không thực hiện việc trả tiền chuyển nhượng như hai bên cam kết và đã kéo dài thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 20/8/2017 nhưng ông T và bà L không thực hiện nên không ký hợp đồng và trả lại tiền đặt cọc cho ông T và bà L. Ngược lại, Ông T và bà L xác định có đến V phòng công chứng H - P vào ngày

21/8/2017 nhưng ông V không ký hợp đồng chuyển nhượng, việc này được Phòng công chứng xác nhận.

[2.3] Xét thấy, cả hai hợp đồng đặt cọc nêu trên đều thể hiện thời hạn ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp khách sạn Seven Sea cuối cùng là ngày 30/7/2017 nhưng ông T và bà L không có tiền để thực hiện giao dịch và ông V đã có 02 lần thông báo gia hạn cuối cùng là ngày 20/8/2018. Đến ngày 21/8/2018 mặc dù đã hết thời hạn gia hạn nhưng ông V vẫn có mặt tại Phòng công chứng và ông V đề nghị chuyển tiền ngay trong ngày ký hợp đồng là phù hợp với nội dung hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc nhưng ông T và bà L không chuyển tiền vào tài khoản do hai bên đã thỏa thuận là vi phạm Điều 3.2 của Hợp đồng ngày 19/7/2017. Cụ thể, tại Điều 3.2 nêu rõ: *“Số tiền 52.000.000.000VNĐ (Năm mươi hai tỷ đồng chẵn) sẽ được bên nhận sang nhượng chuyển trả vào tài khoản tạm khóa ngay trong ngày sau khi hai bên đã ký kết hợp đồng sang nhượng này”* tức là ngày 19/7/2017. Thực tế, ông V vẫn gia hạn cho ông T và bà L hai lần nhưng ông T và bà L vẫn không chuyển tiền vào tài khoản tạm khóa như thỏa thuận. Ngày 21/8/2017, ông V vẫn đến Phòng công chứng và vẫn yêu cầu ông T chuyển tiền vào tài khoản tạm khóa. Vì vậy, đến ngày 24/8/2017, ông V chuyển trả tiền cọc lại cho ông T và bà L mà không sở hữu khoản tiền cọc như hai bên đã cam kết. Như vậy, lỗi vi phạm hợp đồng đặt cọc là do ông T và bà L, ông V không có lỗi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông V, bà L buộc ông V phải trả thêm khoản tiền phạt cọc là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy không có cơ sở để chấp nhận; ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận, bác kháng cáo của ông T, bà L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 328 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L; ông Quách Nghi V không phải bồi thường cho ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L số tiền 5.000.000.000đ (Năm tỷ đồng).

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L phải chịu 113.000.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.500.000đ, theo Biên lai thu tiền số 0000394 ngày 02/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L còn phải nộp thêm 56.500.000đ (*năm mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng*).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi V T và bà Nguyễn Thị Minh L phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001360 ngày 26/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông